

THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ CÁC TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VÀO KHU VỰC TAM GIÁC PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA, LÀO, VIỆT NAM: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Nguyễn Đình Hiền

Trường Đại học Quy Nhơn

Email: nguyendinhkien@qnu.edu.vn

Liên kết, hợp tác phát triển kinh tế vùng trên phạm vi quốc tế là một hướng đi mới có hiệu quả của của nhiều nước trên thế giới. Xuất phát từ quan điểm này, năm 2004 Chính phủ các nước Campuchia, Lào, Việt Nam đã thành lập khu vực tam giác phát triển bao gồm 13 tỉnh có biên giới chung của 3 nước. Thời gian gần đây, để đẩy nhanh sự phát triển, khu vực tăng cường liên kết ngoại vùng theo hướng Đông- Tây, tập trung vào các tỉnh duyên hải miền Trung của Việt Nam. Mỗi quan hệ hai chiều này đã đạt được một số thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn nhiều hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của khu vực. Bài viết này tập trung phân tích tiềm năng, thế mạnh của khu vực tam giác phát triển, khả năng và tình hình liên kết, hợp tác với các tỉnh Duyên hải miền Trung trong thời gian qua và đề xuất những định hướng, giải pháp phù hợp để đẩy mạnh đầu tư vào khu vực trong thời gian tới.

Từ khóa: Liên kết kinh tế, Hợp tác kinh tế vùng, Vùng duyên hải miền Trung, Khu vực tam giác phát triển.

1. Đặt vấn đề

Liên kết kinh tế, hợp tác đầu tư Vùng là một hướng phát triển mới của nhiều địa phương, khu vực và nhiều nước trên thế giới. Đây cũng là vấn đề mà Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã bổ sung thành một nội dung mới và ghi rõ “*thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, đảm bảo phát triển hợp lý, hài hòa giữa các vùng, địa phương*”; “*phát triển các hình thức hợp tác kinh tế với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế*”. Vì vậy, việc nghiên cứu và triển khai nội dung liên kết, hợp tác kinh tế Vùng cả trong và ngoài nước là việc làm có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn. Nó góp phần làm sáng tỏ, củng cố cơ sở lý luận; đồng thời thúc đẩy kinh tế vùng trong thực tế phát triển nhanh và bền vững.

Các tỉnh Duyên hải miền Trung, bao gồm: Thừa Thiên- Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa (sau đây gọi là Vùng) đã có nhận thức đầy đủ về vấn đề này và thực

hiện liên kết kinh tế vùng trong nhiều năm qua. Các địa phương đã thống nhất về xây dựng các cơ chế, chính sách thực hiện liên kết phát triển chung của Vùng theo hướng nhanh và bền vững; đã tổ chức Hội thảo “Liên kết phát triển bảy tỉnh Duyên hải miền Trung” để đánh giá hiện trạng phát triển, phân tích các thế mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của Vùng; đồng thời xúc tiến thành lập Tổ điều phối, Quỹ hoạt động, Nhóm tư vấn liên kết phát triển Vùng để khai thác tiềm năng và đưa ra định hướng đúng đắn cho liên kết Vùng có hiệu quả trong thời gian tới. Đặc biệt trong nội dung Cam kết liên kết phát triển kinh tế vùng đã xác định rõ mục tiêu: “*Khai thác và phát huy các tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương và toàn vùng góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững... Trong những năm trước mắt, ưu tiên tập trung vào một số lĩnh vực chủ yếu, có tính khả thi cao... nhằm tạo không gian kinh tế thống nhất toàn*

vùng để cùng phát triển, tăng sức cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và chủ động hội nhập quốc tế”.

Như vậy, để phát triển kinh tế vùng gắn với xu hướng toàn cầu hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, các tỉnh Duyên hải miền Trung (DHMT) không chỉ tăng cường thúc đẩy liên kết kinh tế nội vùng, mà còn mở rộng ra phạm vi quốc gia và quốc tế như các tỉnh Tây Nguyên, các nước trong khu vực,... đặc biệt là đầu tư vào khu vực tam giác phát triển (TGPT) Campuchia, Lào, Việt Nam. Mặt khác đầu tư vào khu vực này sẽ có cơ hội tiếp cận để liên kết, hợp tác với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ khác đầu tư vào đây nhằm góp phần thúc đẩy Vùng tăng trưởng nhanh, phát triển toàn diện và bền vững. Với mục đích đó, bài báo đã sử dụng lý thuyết liên kết phát triển kinh tế vùng, sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để đánh giá thực trạng, đưa ra định hướng, giải pháp thúc đẩy đầu tư từ các tỉnh DHMT vào khu vực TGPT trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Liên kết kinh tế, hợp tác đầu tư Vùng là một hướng phát triển mới của nhiều địa phương, khu vực và nhiều nước trên thế giới. Liên kết kinh tế được hiểu là một thể chế kinh tế nhằm thực hiện một kiểu phối hợp hành động giữa các chủ thể kinh tế độc lập, tự chủ với nhau, một cách tự nguyện, thỏa thuận đôi bên cùng có lợi và tin tưởng lẫn nhau, ràng buộc lẫn nhau theo một kế hoạch hoặc quy chế định trước, dài hạn hoặc thường xuyên nhằm ổn định và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy, liên kết kinh tế diễn ra ở hai góc độ. Ở tầm vĩ mô, liên kết kinh tế thể hiện thông qua việc thiết lập các liên minh kinh tế giữa các quốc gia, địa phương hoặc vùng lãnh thổ để hình thành nên các định chế khu vực ở các mức độ khác nhau. Nhờ đó xác lập được các không gian kinh tế rộng lớn, an toàn hơn cho hoạt động kinh tế của các đối tác tham gia. Liên kết ở tầm vĩ mô có mối quan hệ chặt chẽ, là tiền đề cho liên kết doanh nghiệp, liên kết ở tầm vi mô. Ở tầm vi mô, liên kết được thực hiện thông qua sự thiết lập các mối quan hệ hợp tác làm ăn giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. Đối tượng liên kết bao gồm liên kết về vốn, công nghệ, nhân lực, thị trường,... nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, nguồn lực,... để đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, dù là hình thức

nào, liên kết kinh tế cũng có vai trò quan trọng thể hiện ở các mặt sau: Tiết kiệm các nguồn lực nhờ giảm được chi phí cạnh tranh; tăng quy mô hoạt động theo hướng đạt quy mô hiệu quả nhờ hợp tác và phân công lao động phát triển; tăng khả năng linh hoạt và sức cạnh tranh chung nhờ phối hợp sử dụng được những ưu thế của mỗi bên liên kết; giảm thiểu các rủi ro nhờ cơ chế chia sẻ trách nhiệm giữa các bên tham gia. Tuy nhiên, bên cạnh lợi ích nêu trên vẫn tồn tại một số hạn chế cần phải có cơ chế kiểm soát để khắc phục như: Có thể tạo ra sự độc quyền, gây cản trở đến cạnh tranh; nếu phát triển không bền vững dễ dẫn đến nguy cơ sụp đổ dây chuyền khi có một thành viên tham gia liên kết gặp khó khăn, khủng hoảng, phá sản...

Theo tác giả, Liên kết giữa các tỉnh DHMT với Khu vực TGPT bao gồm nhiều nội dung, nhưng trước hết tập trung đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển và hợp tác trong TGPT: kết cấu hạ tầng, gồm: mạng lưới giao thông, cấp điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi và cấp nước; nông, lâm, nghiệp; dịch vụ, gồm: du lịch, thương mại và dịch vụ khác. Các lĩnh vực hỗ trợ và ưu tiên tiếp theo gồm: công nghiệp; các lĩnh vực xã hội và khoa học - công nghệ, gồm: giáo dục- đào tạo, y tế, văn hóa, lao động, khoa học công nghệ và các lĩnh vực xã hội khác; bảo vệ môi trường và quản lý đất đai hiệu quả; thuận lợi hóa thương mại và đầu tư.

Để nghiên cứu các nội dung nêu trên, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích thống kê các số liệu thứ cấp lấy từ Niên giám thống kê, báo cáo hàng năm của các tỉnh; số liệu qua các hội thảo quốc tế; phương pháp điều tra khảo sát tại một số tỉnh khu vực TGPT và vùng DHMT; phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến, bàn luận trao đổi với lãnh đạo địa phương, các nhà quản lý, các nhà khoa học về nội dung nghiên cứu và tư vấn về kết quả nghiên cứu.

3. Tổng quan về khu vực tam giác phát triển Campuchia, Lào, Việt Nam

Tam giác phát triển khu vực biên giới 3 nước Campuchia, Lào, Việt Nam (sau đây gọi là khu vực TGPT) được thành lập từ năm 2004 đến nay đã được gần 10 năm, lúc đầu gồm 10 tỉnh, đến năm 2009 được mở rộng thành 13 tỉnh, trong đó Việt Nam có 5 tỉnh (Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum), Lào có 4 tỉnh (Attapeu, Champasak, Salavan, Sekong) và Campuchia có 4 tỉnh

(Mondulkiri, Stung Treng, Nattanakiri, Kratie). Đây là vùng cao nguyên rộng lớn với diện tích 145,672 km², dân số 6,6 triệu người, chiếm 19,2% diện tích và 6,1% dân số cả 3 nước. Trong đó, Việt Nam có 51.740 km² và 4,9 triệu người, chiếm 35,5% diện tích và 75% dân số của khu vực; Lào có 46.746 km² và 1,1 triệu người, chiếm 32% diện tích và 16,9% dân số của khu vực; Campuchia có 47.246 km² và 0,47 triệu người, chiếm 32,4% diện tích và 7,1% dân số khu vực. Khu vực TGPT có tài nguyên phong phú, đa dạng chưa được khai thác và chế biến làm tăng giá trị. Nơi đây còn là vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái cho vùng và 3 quốc gia.

Các tỉnh nằm trong khu vực Tam giác phát triển Campuchia, Lào, Việt Nam hầu hết có địa hình là cao nguyên, thuộc khu vực biên giới của ba nước, có nhiều nét tương đồng về nhiều mặt; trình độ phát triển của các tỉnh trong khu vực nhìn chung thấp hơn so với mức độ trung bình mỗi nước; tỷ trọng nông nghiệp trong GDP còn cao. Các tỉnh đều có đường biên giới chung từng đôi một và đã hình thành các cặp cửa khẩu giữa các tỉnh, đây là một điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác phát triển giữa các tỉnh trong khu vực trong việc thúc đẩy kinh tế-xã hội. Gần 10 năm qua, kinh tế trong vùng đã có bước phát triển cao, tăng trưởng bình quân khoảng 10%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; GDP bình quân đầu người năm 2012 đạt 980 USD; kết cấu hạ tầng không ngừng được cải thiện; hợp tác đầu tư, thương mại, du lịch đạt nhiều kết quả; hợp tác văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển; công tác bảo vệ an ninh biên giới được phối hợp chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả; an ninh trật tự xã hội ổn định.

Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển khu vực TGPT, chính phủ 3 nước Campuchia, Lào, Việt Nam đã có chủ trương đầu tư phát triển khu vực với mục tiêu chung là: thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển khu vực TGPT ba nước với các vùng của mỗi nước trên cơ sở khơi dậy và phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, các nguồn nội lực của từng tỉnh, tăng cường mối liên kết kinh tế trong nội bộ vùng và ngoài vùng; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái; đóng góp thiết thực vào việc tăng cường hợp tác giữa 3 nước Campuchia, Lào, Việt Nam.

Trên cơ sở đó, mục tiêu cụ thể là, tiếp tục phối hợp các kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, cải tạo

các trục giao thông quan trọng giữa các tỉnh trong TGPT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, lĩnh vực: đầu tư, du lịch, thương mại, nông nghiệp, công nghiệp thủy điện, chế biến và khai khoáng... hợp tác phát triển; hợp tác xúc tiến kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khu vực TGPT và các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các mục tiêu xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, phát triển kết cấu hạ tầng của khu vực TGPT; tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho dòng lưu chuyển qua biên giới của hàng hóa, con người và vốn đầu tư trong phạm vi TGPT thông qua xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho TGPT.

Đặc biệt ở phía Việt Nam, tại tỉnh Kon Tum - vị trí quan trọng của Tam giác phát triển Campuchia, Lào, Việt Nam có Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, có các quốc lộ 40, 24, 14 nối Khu kinh tế cửa khẩu này với các đô thị tỉnh, thành phố (*Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng...*) và các khu kinh tế Dung Quất, Chu Lai, Nhơn Hội cùng với các cảng biển miền Trung. Để khai thác tiềm năng, lợi thế về địa kinh tế của Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, năm 2007, Quy hoạch chung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo đó mục tiêu, định hướng sẽ xây dựng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu thành đô thị loại II vùng biên giới, với hướng phát triển hiện đại, bền vững, môi trường thân thiện, văn minh.

Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y có diện tích 70.438 ha, được thành lập nhằm: Xây dựng và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y trở thành Vùng động lực, trung tâm liên kết với hành lang kinh tế Đông - Tây trong tam giác phát triển ba nước Campuchia, Lào, Việt Nam; Xây dựng Khu trung tâm, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y trở thành đô thị biên giới, khai thác có hiệu quả các điều kiện về vị trí địa lý, trong quá trình hội nhập; Thúc đẩy phát triển khu vực nông thôn, biên giới và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, văn hoá, xã hội, dân tộc, trật tự an ninh quốc phòng; Tạo điều kiện bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, bảo đảm đoàn kết dân tộc, tăng cường mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các quốc gia trong khu vực. Theo đó, cơ sở hạ tầng Khu Kinh tế cửa khẩu Bờ Y cũng từng bước được cải thiện đáng kể, với tổng mức đầu tư 1.646 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đầu tư 330 tỷ đồng. Hiện có hơn một trăm dự án đã đi vào sản xuất, kinh doanh với tổng vốn đầu tư hàng ngàn tỷ đồng. Sau khi hình thành và đi vào

hoạt động Khu kinh tế cửa khẩu đã trở thành yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

Nhìn trên bản đồ ta thấy gắn liền với khu vực TGPT về phía Đông là các tỉnh DHMT của Việt Nam, từ Thừa Thiên- Huế đến Khánh Hòa, bao gồm 7 tỉnh/thành. Toàn Vùng hiện có 38.236,4 km², chiếm 11,54% diện tích cả nước và hơn 8.186,8 nghìn người, chiếm 9,42% dân số toàn quốc. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 60.590,42 tỷ đồng, chiếm 10,95% GDP cả nước. Hầu hết các tỉnh, thành trong Vùng có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trên 10%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước 7,26%. Vùng DHMT nằm ở vị trí có ý nghĩa chiến lược về giao lưu kinh tế Bắc- Nam và Đông-Tây, là cửa ngõ ra biển của tuyến hành lang Đông-Tây nối với đường hàng hải quốc tế qua biển Đông và Thái Bình Dương và các nước vùng Bắc Á, dễ dàng giao lưu với Hồng Kông, Đài Loan, Nga, Nhật Bản... Đặc biệt vùng Duyên hải miền Trung nằm ở trung tâm của Vùng Đông Nam Á nên giao lưu thuận lợi với các nước thành viên của ASEAN...

Ngoài ra Vùng còn có lợi thế lớn về kết cấu hạ tầng giao thông với các loại hình đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không cả trong nước và quốc tế, trong đó có bờ biển dài 1.161km, chiếm 1/3 bờ biển cả nước, có mật độ cảng biển dày, nhiều cảng nước sâu, có nguồn lợi thủy sản lớn, có hàng chục đảo, quần đảo, có tiềm năng về dầu khí trên thềm lục địa của nước ta, có nhiều tài nguyên khoáng sản, có nhiều trường đại học, cao đẳng và dạy nghề... Đặc biệt có tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây dài 1.450 km nối từ Myanmar qua Thái Lan và Lào, đây chính là cửa ngõ quan trọng ra biển Đông cho các quốc gia tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng với khu vực Đông Bắc Á và khu vực Đông Nam Á. Điều này khẳng định thế mạnh của Vùng về phát triển kinh tế biển, phát triển các khu công nghiệp, về vai trò “mặt tiền” của Việt Nam, trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Trên cơ sở tiềm năng thế mạnh và nhu cầu phát triển của Vùng, các địa phương trong Vùng đã xác định mục tiêu, nội dung liên kết của Vùng là nhằm khai thác và phát huy các tiềm năng thế mạnh của từng địa phương và toàn vùng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, phát triển mạnh các ngành công nghiệp và dịch vụ, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao, các ngành dịch vụ có giá

trị gia tăng lớn, có tầm cỡ khu vực và quốc tế, ưu tiên phát triển kinh tế biển như hạ tầng cảng biển, dịch vụ hàng hải, phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ, chế biến và xuất khẩu thủy hải sản... góp phần tạo việc làm, nâng cao mức sống và trình độ dân trí cho các tầng lớp dân cư. Đồng thời Vùng cũng định hướng mở rộng liên kết, hợp tác với ngoài vùng và quốc tế, nhất là các nước trong khu vực, trong đó có khu vực TGPT.

4. Tình hình hoạt động đầu tư vào TGPT Campuchia, Lào, Việt Nam

Trong những năm qua, tình hình hợp tác đầu tư của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia tại khu vực TGPT đã đạt được những thành tựu quan trọng đáng ghi nhận và hứa hẹn cho một tương lai phát triển. Hiện Việt Nam có 342 dự án với số vốn 6,24 tỷ USD đầu tư vào Lào và Campuchia, trong đó Lào có 222 dự án với 3,6 tỷ USD, Campuchia có 120 dự án với 2,64 tỷ USD. Có thể nói, đây là con số khá cao so với tiềm năng, trình độ phát triển của Việt Nam, đồng thời qua đây cũng cho thấy sự đặc biệt quan tâm của Chính phủ Việt Nam đối với các đối tác quan trọng trong khu vực.

Riêng tại khu vực TGPT, Việt Nam đầu tư vào 2 nước Lào và Campuchia 75 dự án với số vốn 3,09 tỷ USD, trong đó đầu tư vào Lào 50 dự án, với số vốn 1,65 triệu USD chiếm 66,6% số dự án và 53,4% tổng số vốn; đầu tư vào Campuchia 25 dự án với số vốn 1,44 tỷ USD chiếm 33,3% tổng số dự án và 46,6% tổng vốn. Số dự án đầu tư vào Lào gấp đôi của Campuchia nhưng số vốn thì gần tương đương. Như vậy, quy mô vốn của các dự án đầu tư ở Lào nhỏ hơn ở Campuchia, điều này liên quan đến lĩnh vực đầu tư, chẳng hạn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp thường có quy mô vốn nhỏ hơn so với các lĩnh vực khác (*xem Bảng 1*). Về lĩnh vực đầu tư, các dự án đầu tư vào Lào và Campuchia ở khu vực TGPT có cơ cấu như sau: nông, lâm, nghiệp (trồng cao su và cây lấy gỗ) có 25 dự án (chiếm 33,3%); khai khoáng có 10 dự án (chiếm 13,3%); công nghiệp chế biến, chế tạo có 7 dự án (chiếm 9,3%); còn lại là sản xuất, điện, xây dựng, tài chính ngân hàng, buôn bán lẻ, kinh doanh khách sạn... (chiếm 44,1%).

Tại 5 tỉnh của Việt Nam thuộc khu vực TGPT, hiện có 129 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đến từ 19 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 1 tỷ USD. Trong đó, Lào có 5 dự án

đầu tư với số vốn 77,2 triệu USD, Campuchia có 2 dự án với số vốn đầu tư 18,2 triệu USD. Tính chung cho cả Lào và Campuchia đã đầu tư 7 dự án (chiếm 5,4%) với số vốn 95,4 triệu USD (chiếm 9,54%). Điều này chứng tỏ với khả năng và trình độ phát triển kinh tế của Lào, Campuchia còn hạn chế nên năng lực đầu tư ra nước ngoài nói chung, đầu tư vào Việt Nam ở khu vực TGPT nói riêng còn thấp.

Trong số các dự án của Việt Nam đầu tư vào khu vực TGPT nêu trên, số dự án của 7 tỉnh/thành DHMT chiếm tỷ lệ khoảng 20% và số vốn chiếm khoảng 22%. Mặc dù tỷ lệ này chưa cao, nhưng so với các tỉnh, thành trong cả nước thì đây là một con số đáng ghi nhận để đánh giá quan điểm, tầm nhìn và xu hướng đầu tư vào khu vực TGPT của các tỉnh trong Vùng. Có thể nói ưu điểm và thuận lợi nổi bật để đầu tư vào đây là do vị trí địa lý của các tỉnh từ Thừa Thiên – Huế đến Khánh Hòa đều có đường biên giới chung với khu vực TGPT. Chính yếu tố địa lý là một trong những điều kiện quan trọng để liên kết, hợp tác phát triển kinh tế vùng thuận lợi. Nhìn chung hầu hết các tỉnh trong Vùng đều có dự án đầu tư vào khu vực TGPT với các lĩnh vực chủ yếu như: nông, lâm, nghiệp (trồng cao su, trồng cây lấy gỗ, chế biến nông sản...); khai thác các loại khoáng sản; sản xuất điện, xây dựng, tài chính ngân hàng, buôn bán lẻ, kinh doanh khách sạn...

Đặc biệt, trong những năm gần đây, các tỉnh thuộc Khu vực TGPT như: Champasak, Salavan, Sê Kông, Attapeu của Lào và Kon Tum của Việt Nam đã chủ động liên kết với các tỉnh Ubon ratchathani, Sisaket của Thái Lan, đặc biệt là các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi... thuộc vùng DHMT của Việt Nam đã hình thành *Hành lang kinh tế từ Đông Bắc Thái Lan – Khu vực TGPT (Nam Lào, Tây Nguyên) – Duyên hải miền Trung*. Đây là hành lang tuyến có khoảng cách chỉ bằng một nửa chiều dài tuyến thương mại hành lang Kinh tế Đông- Tây. Tuyến hành lang này đang đi vào hoạt động và thực sự nổi

liên Khu vực TGPT với các tỉnh DHMT. Trong đó Bình Định, Quảng Ngãi là 2 điểm chính, cùng với các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên- Huế, Phú Yên, Khánh Hòa và Thành phố Đà Nẵng trở thành cửa ngõ hướng ra biển đông, đáp ứng nhu cầu “tiếp cận biển đông” của các tỉnh Khu vực TGPT.

Cùng với các tỉnh thuộc Khu vực TGPT, các tỉnh hành lang tuyến đã xúc tiến đầu tư vào khu vực TGPT nhiều lĩnh vực: Hợp tác trồng cây công nghiệp cao su, cà phê; xây dựng các cơ sở chế biến; cung cấp máy móc thiết bị; hợp tác xây dựng các dự án năng lượng; khai thác chế biến khoáng sản; đào tạo nguồn nhân lực; khảo sát mở các tuyến du lịch,... trong đó xây dựng, thiết lập các tuyến du lịch liên kết ba nước đi qua các điểm du lịch nổi tiếng của 8 tỉnh Ubon Ratchathani, Sisaket (*Thái Lan*), Champasak, Sê Kông, Attapeu (*Lào*); Kon Tum, Quảng Ngãi, Bình Định (*Việt Nam*) của ba nước. Các Tour du lịch này qua các địa danh, phong cảnh về văn hóa- tâm linh - lịch sử - lễ hội - ẩm thực- kinh tế,... theo đó du lịch mở đường cho đầu tư và thương mại phát triển. Nhờ đó chỉ tính riêng Khu kinh tế Bờ Y, bình quân năm có khoảng 76.000 lượt khách xuất, nhập cảnh; có 14.800 lượt phương tiện xuất, nhập cảnh/năm; giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu khoảng 37 triệu USD/năm; thu ngân sách trên 51 tỷ đồng/năm; ngoài ra còn tạo ra công ăn, việc làm, tăng thu nhập cho lực lượng lao động hoạt động tại khu kinh tế.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế trong quá trình đầu tư vào khu vực TGPT cần khắc phục như: các dự án đầu tư hầu như chỉ tập trung vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, khai khoáng và dịch vụ thiết yếu với số vốn đầu tư thấp, tốc độ đầu tư chậm; chưa có chiến lược đầu tư phù hợp thể hiện mối quan hệ đầu tư 2 chiều cũng như khai thác tốt tính đặc thù, tiềm năng, thế mạnh của Vùng; đặc biệt hoạt động đầu tư chưa gắn với hoạt động thương mại, du lịch; chưa thể hiện lợi thế, tầm

Bảng 1: Đầu tư của Việt Nam vào Lào, Campuchia ở khu vực TGPT

STT	Nước	Cả nước		Khu vực TGPT	
		Số dự án	Vốn (tỷ USD)	Số dự án	Vốn (tỷ USD)
1	Lào	222	3,60	50	1,65
2	Campuchia	120	2,64	25	1,44
	Cộng	342	6,24	75	3,09

Nguồn Tài liệu Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch lần thứ 7 khu vực TGPT Campuchia - Lào - Việt Nam, tại Kontum, Việt Nam ngày 5/12/201

quan trọng của biển trong phát triển kinh tế đối với khu vực TGPT. Điều đó đòi hỏi các tỉnh DHMT cần phải nhanh chóng có những định hướng, giải pháp đúng đắn, phù hợp và có tính đột phá để đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào khu vực TGPT.

4. Định hướng và giải pháp thúc đẩy hoạt động đầu tư từ các tỉnh DHMT vào khu vực TGPT Campuchia, Lào, Việt Nam trong thời gian tới

Để có định hướng đúng đắn cho hoạt động đầu tư của các tỉnh DHMT vào khu vực TGPT trong thời gian tới cần phải căn cứ vào số liệu dự báo về tình hình tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế của khu vực TGPT tầm nhìn đến năm 2020 (xem Bảng 2).

Trên cơ sở thực tế hoạt động đầu tư trong thời gian qua, kết quả dự báo và định hướng thu hút đầu tư vào khu vực TGPT cho phép đưa ra những định hướng, giải pháp để thúc đẩy để các tỉnh DHMT đầu tư vào khu vực TGPT trong thời gian tới. Đó là:

Một là, tiến hành xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư vào khu vực TGPT, trong đó chú trọng đầu tư vào các tỉnh của Lào, Campuchia và Khu kinh tế Bờ Y. Nội dung chiến lược phải đảm bảo sự phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả nhiều mặt; phải xác định được các lĩnh vực đầu tư phù hợp với hướng ưu tiên của khu vực, đặc biệt trước mắt cần tập trung hình thành các vùng nguyên liệu có quy mô lớn, bám theo các trục giao thông liên tỉnh hướng ra biển nhằm khuyến khích công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Chiến lược phải chỉ rõ vai trò của đầu tư cơ sở hạ tầng đi trước một bước, bao gồm: hệ thống giao thông vận tải, nhất là đường bộ và hàng không; hệ thống chợ, đại lý tiêu thụ hàng hóa; hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc, dịch vụ tài chính, bệnh viện, cơ sở dạy nghề... Trong đó, phải khẳng định tầm quan trọng của Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y trong

hợp tác kinh tế vùng, liên vùng và đóng vai trò động lực cho sự phát triển của cả khu vực. Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y có diện tích 70.438 ha là trung tâm trong khu vực TGPT 3 nước Campuchia, Lào, Việt Nam, trong tương lai sẽ phát triển thành đô thị loại II vùng biên giới gắn kết với hành lang kinh tế Đông– Tây của khu vực.

Bên cạnh đó, các tỉnh DHMT cần ban hành các cơ chế, chính sách để tạo ra sự hợp tác đồng bộ trong khuyến khích đầu tư, trước mắt cần phối hợp với các nước Lào, Campuchia ban hành các quy định ưu đãi về thuế, thuê đất, thuận lợi hóa thủ tục hải quan, vận chuyển người và hàng hóa qua biên giới... Đồng thời có cơ chế, chính sách thu hút các dự án của Lào, Campuchia và các tỉnh trong khu vực TGPT đầu tư vào vùng DHMT.

Hai là, với vị trí địa lý của mình các tỉnh trong Vùng cần phát huy lợi thế và tầm quan trọng của biển trong phát triển kinh tế đối với khu vực TGPT. Có thể nói các tỉnh trong khu vực TGPT đều là tỉnh biên giới và miền núi, do đó tuy có nhiều thuận lợi của miền núi, nhưng không có điều kiện phát triển kinh tế dựa vào biển để tăng trưởng nhanh như ở nhiều nước và hiện đang trở thành xu hướng chung hiện nay trên thế giới. Trong khi đó, các tỉnh trong Vùng có không gian biển rộng lớn, có khả năng phát triển các ngành kinh tế liên quan đến biển để thu được nhiều nguồn lợi lớn. Đó là thế mạnh của Vùng trong hợp tác kinh tế vùng, liên vùng theo hướng khai thác hành lang kinh tế Đông – Tây; Núi – Biển.

Vi vậy, các tỉnh trong Vùng và các tỉnh khu vực TGPT cần hợp tác đầu tư phát triển những ngành, lĩnh vực phát huy được lợi thế của biển. Các tỉnh DHMT nói chung, Vùng nói riêng phải trở thành động lực phát triển kinh tế phía Đông, miền biển cho các tỉnh khu vực TGPT, trong đó chú trọng vận tải hàng hải, các cảng biển nơi đây phải trở thành

Bảng 2. Dự báo tình hình kinh tế của khu vực TGPT năm 2015, 2020

STT	Tiêu chí	2012	2015	2020
1	Tăng trưởng kinh tế	10%	12%	14%
2	Thu nhập bình quân (USD)	980	1.300	2.000
3	Cơ cấu kinh tế (%)	100	100	100
3.1	Nông lâm ngư nghiệp (%)	48,4	41,7	33,6
3.2	Công nghiệp xây dựng (%)	22,2	26,7	32,2
3.3	Dịch vụ (%)	29,4	31,6	34,2

Nguồn: Báo cáo tổng hợp rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH khu vực TGPT C-LVN đến năm 2020 và số liệu của tác giả

trung tâm vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của khu vực TGPT; phát triển và xây dựng trung tâm thủy sản của Vùng gắn với hệ thống phân phối cung cấp cho khu vực TGPT; hình thành hệ thống khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng gắn với biển để phục vụ cho du khách phía Tây, miền núi nói chung, khu vực TGPT nói riêng... qua đó tạo ra nguồn thu lớn cho mỗi bên và công ăn việc làm cho người dân.

Ba là, trong quá trình thúc đẩy đầu tư vào khu vực TGPT, cần gắn kết với hoạt động thương mại, du lịch. Cùng với hoạt động đầu tư, các tỉnh trong Vùng cần có chính sách thúc đẩy hoạt động thương mại với khu vực TGPT theo hướng: xây dựng chiến lược buôn bán với nhau về một số sản phẩm ổn định, có thế mạnh của mỗi tỉnh; xây dựng danh mục các loại hàng hóa có xuất xứ từ các tỉnh trong Vùng và khu vực TGPT được hưởng chính sách ưu đãi đặc biệt; sớm xóa bỏ bảo hộ và các hạn chế về hành chính còn lại đối với buôn bán giữa 3 nước khác nhau như quy định giá tối thiểu, các hạn ngạch, giấy phép nhập khẩu, kiểm soát ngoại hối; trên cơ sở chiến lược hợp tác chung, các tỉnh chuẩn bị chương trình đẩy mạnh hoạt động thương mại trong khu vực TGPT thông qua cải tiến việc đảm bảo cơ sở hạ tầng thương mại, thành lập cơ quan chuyên nghiệp về thương mại.

Đối với hoạt động du lịch, ngoài phát triển du lịch dựa vào biển- là thế mạnh của vùng DHMT, cần lựa chọn lĩnh vực đột phá làm nền tảng cho hợp tác trên các lĩnh vực khác; mặt khác, cần tăng cường liên kết giữa các tỉnh, khai thác các tuyến du lịch theo phương châm “*Ba quốc gia – một điểm đến*”, khai

thác *Hành lang tuyến Đông Bắc Thái Lan- Khu vực TGPT- DHMT*; đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch có năng lực về chuyên môn, ngoại ngữ, am hiểu sâu về văn hóa 3 nước để phục vụ cho khách du lịch quốc tế theo phương châm nói trên

Bốn là, Đầu tư toàn diện về mọi mặt, xác định bước đi, lộ trình phù hợp, gắn với phát triển bền vững và tái cấu trúc kinh tế Vùng DHMT. Có thể nói hiện nay khu vực TGPT là một khu vực quan trọng trong chiến lược phát triển của cả 3 nước. Tuy nhiên, trình độ phát triển còn thấp, nhiều lĩnh vực còn lạc hậu. Vì vậy đầu tư phát triển ở đây phải tiến hành sớm, đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ trên các lĩnh vực, ngành nghề gắn với đặc điểm kinh tế- xã hội của mỗi nước.

Mặt khác, vì trình độ phát triển thấp nên chiến lược đầu tư phải có lộ trình để đảm bảo tính phù hợp với những bước phát triển vững chắc tránh sự bội thực về vốn, về công nghệ. Đây cũng là bài học kinh nghiệm của nhiều khu vực, địa bàn khác trong và ngoài nước. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay đầu tư phát triển cần phải gắn với yêu cầu phát triển bền vững, tức là kết quả đầu tư không chỉ đạt được về mặt tăng trưởng kinh tế, mà còn phải giải quyết tốt về mặt xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Bên cạnh đó, cần phải gắn với tái cơ cấu kinh tế Vùng DHMT. Vì vậy, trong quá trình đầu tư phát triển cần phải chủ động xây dựng cũng như điều chỉnh kế hoạch để đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu phát triển của khu vực. □

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tổng hợp rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu vực TGPT Campuchia, Lào, Việt Nam đến năm 2020.
2. Tài liệu Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch lần thứ 7 khu vực TGPT Campuchia, Lào, Việt Nam, tại Kontum, Việt Nam, ngày 5/12/2012.
3. Trang thông tin điện tử Sở Kế hoạch- Đầu tư, Tỉnh Kon Tum.
4. Trang thông tin điện tử Khu vực TGPT Campuchia, Lào, Việt Nam.